Chi tiết mã HS 8482.50.00

Mã HS	8482.50.00
Mô tả hàng hóa	Ổ bi hoặc ổ đũa / - Các loại ổ đũa hình trụ khác, kể cả lồng (cage) và đũa đã lắp rắp
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 12:35:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84825000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14606
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14606
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14606
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13959
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13900
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13900
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13900
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13900
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13900
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13900
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13954
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13954

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13954
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13954
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13954
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13954
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13955
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13955
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13955
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13955
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13955
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13955
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13958
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13906
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13914
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13914
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13914
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13914
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13914
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13914
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13945
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13945
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13945
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13945
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13945
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13945
VCFTA	2022	2022	3	VC!D14000
VCFTA	2023	2023	3	VC!E14000

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14000
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14000
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14000
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14000
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13977
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13977
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13977
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13977
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13977
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13977
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D13977
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E13977
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F13977
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G13977
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H13977
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13977
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13992
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13992
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13992
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13992
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13992
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13992
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13991
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13991
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13991
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13991

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13991
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13991
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13971
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13971
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13971
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13971
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13971
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13971
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13971
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13979
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13979
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13979
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13979
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13979
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13979
RCEP B	2022	2022	0	B!D13979
RCEP B	2023	2023	0	B!E13979
RCEP B	2024	2024	0	B!F13979
RCEP B	2025	2025	0	B!G13979
RCEP B	2026	2026	0	B!H13979
RCEP B	2027	2027	0	B!I13979
RCEP C	2022	2022	0	C!D13979
RCEP C	2023	2023	0	C!E13979
RCEP C	2024	2024	0	C!F13979
RCEP C	2025	2025	0	C!G13979
RCEP C	2026	2026	0	C!H13979

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13979
RCEP D	2022	2022	0	D!D13978
RCEP D	2023	2023	0	D!E13978
RCEP D	2024	2024	0	D!F13978
RCEP D	2025	2025	0	D!G13978
RCEP D	2026	2026	0	D!H13978
RCEP D	2027	2027	0	D!I13978
RCEP E	2022	2022	0	E!D13982
RCEP E	2023	2023	0	E!E13982
RCEP E	2024	2024	0	E!F13982
RCEP E	2025	2025	0	E!G13982
RCEP E	2026	2026	0	E!H13982
RCEP E	2027	2027	0	E!I13982
RCEP F	2022	2022	0	F!D13979
RCEP F	2023	2023	0	F!E13979
RCEP F	2024	2024	0	F!F13979
RCEP F	2025	2025	0	F!G13979
RCEP F	2026	2026	0	F!H13979
RCEP F	2027	2027	0	F!I13979
VIFTA	2024	2024	2,6	VI!F12985
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G12985
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H12985
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I12985

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8482.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8482.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14606), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.